TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2018
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Vỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tá
2. Ông Đinh Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hiên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017, về: "Ly hôn giữa chị Kvà anh H" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, Sinh năm: 1986
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở: tổ dân phố L, phường A, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trương H, Sinh năm: 1975
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở: tổ dân phố I, phường O, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị K trình bày: Chị K và anh Trương H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND phường C cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyển số: 01/2008, ngày 06/11/2009. Trong quá

trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh H hay ăn nhậu về khuya, có lời nói xúc phạm, gây áp lực về tinh thần cho chị K. Chị K ngày càng bị áp lực khủng hoảng và không thể chung sống với anh H nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Kđược ly hôn anh H.

Về con chung: Chị K và anh H có 01 con chung là: Trương T, Sinh ngày: 03/02/2011.

Chị K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa và các phiên hòa giải.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K; về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trương T là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có. Chị K phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị K và anh H số: 69, quyển số: 01/2008, ngày 06/11/2009 của UBND phường C.

Giấy khai sinh mang tên Trương T.

Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị K.

Sổ hộ khẩu mang tên Trương H.

Biên bản xác minh ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[1.2] Chị Trần Thị K yêu cầu ly hôn anh Trương H. Yêu cầu của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Trần Thị K và anh Trương H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND phường C cấp giấy chứng

nhận kết hôn số: 69, quyển số: 01/2008, ngày 06/11/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị K và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị K yêu cầu được ly hôn anh H vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh H hay ăn nhậu về khuya, có lời nói xúc phạm, gây áp lực về tinh thần cho chị K. Chị K ngày càng bị áp lực, khủng hoảng và không thể chung sống với anh H. Tại biên bản xác minh ngày 15/12/2017, chính quyền địa phương cho biết: "Chị K và anh H thường xuyên kình cãi, đánh đập nhau, chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp nhưng chị Kvà anh H vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Hiện nay chị K đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở phường A sinh sống". Anh H không có thiện chí hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng khi tòa án tiến hành hòa giải. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh H có 01 con chung là: Trương T, Sinh ngày: 03/02/2011.

Chị K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cháu T hiện nay đang sống chung với chị K, nếu chị K không được chăm sóc, giáo dục cháu T sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu. Do đó, yêu cầu của chị K là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị K nên ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] *Về án phí*: Chị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị K được ly hôn anh Trương H.

2. *Về con chung*: Chị Trần Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Trương T, Sinh ngày: 03/02/2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị K về việc không yêu cầu anh Trương H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị K nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Kđã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012002 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R. Chị Kđã nộp đủ.

5. Chị Trần Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trương H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố R
- Chi cục THADS thành phố R
- Các đương sự
- UBND phường C
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thế Vỹ